ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Biểu số 2

DANH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ ĐỢT I NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi đời khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
	A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*
	TỔNG CỘNG																							**7,738,993**		**7,738,993**	
A	**KHỐI HÀNH CHÍNH (17 người)**																							**2,503,819**	**0**	**2,503,819**	
	Cấp tỉnh (07 người)																							**1,305,576**	**0**	**1,305,576**	
I	**Sở Y tế (01 người)**																							**145,959**	**-**	**145,959**	
1	**Đỗ Thị Kim Oanh**	20/4/1971	Bác sĩ CK I	Phó trưởng phòng TCCB	4,40	10/01/2019	0,3	01/11/2016					3,99 4,40	02/2017-12/2018 01/2019-01/2022	6,416	27 năm 3 tháng	8 năm 11 tháng	**01/02/2021**	50 tuổi 9 tháng	X				145,959		145,959	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (2021) tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện TGBC và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (Điểm đ, khoản 1, Điều 1 NĐ 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020)
II	**Sở Khoa học và Công nghệ (01 người)**																							**177,607**	**0**	**177,607**	
1	**Nguyễn Văn Hựu**	19/5/1964	Cử nhân quản trị kinh doanh, Kỹ sư Khai thác hàng hải thủy sản	Phó Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	5,76	1/12/2021	0,5	01/8/ 2010					5.08 5.42 5.76	01/6/2017-31/12/2018 01/01/2019-30/11/2021 01/12/2021-31/5/2022	8,358	38 năm 4 tháng		**01/6/2022**	58 tuổi	X				177,607		177,607	Dôi dư do rà soát, sắp xếp tại tổ chức bộ máy, nhân sự theo điểm a, khoản 1, Điều 6 NĐ 108/2014/NĐ-CP
III	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (05 người)**																							**982,010**	**0**	**982,010**	
1	**Mai Văn Vinh**	13/9/1966	Đại học Luật	Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Chư Sê	4.98	1/1/2017	0.3	12/2011	28% 29% 30% 31% 32% 33%	1/11/2016 1/12/2017 1/12/2018 1/12/2019 1/12/2020	5% 6%	1/1/2020 1/1/2021	4.98	01/5/2017-30/4/2022	10,057	34 năm 5 tháng		**01/5/2022**	55 tuổi 7 tháng	X				263,985		263,985	Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng công chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo Điểm đ, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP
2	**Bùi Văn Luyện**	15/9/1966	Trung cấp Kiểm lâm	Kiểm lâm địa bàn Hạt Kiểm lâm huyện Chư Sê	4.06	1/10/2019			28% 29% 30% 31% 32% 33%	1/11/2016 1/11/2017 1/11/2018 1/11/2019 1/11/2020 1/11/2021	9% 10% 11% 12% 13% 13%	1/1/2017 1/1/2018 1/1/2019 1/1/2020 1/1/2021 1/1/2022	4.06	01/5/2017-30/4/2022	8,399	36 năm 9 tháng		**01/5/2022**	55 tuổi 7 tháng	X				230,960		230,960	Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng công chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo Điểm đ, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP
3	**Nguyễn Văn Cang**	15/11/1966	Đại học Kinh tế ngành QTKD	Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Phú Thiện	4.98	1/3/2020	0.3	01/6/2017-14/6/2021	6% 7% 8% 9% 10% 11%	1/6/2017 14/6/2017 14/6/2018 14/6/2019 14/6/2020 14/6/2021			4.65 4.98	01/6/2017-30/9/2019 01/10/2019-31/5/2022	7,995	34 năm 11 tháng		**01/6/2021**	55 tuổi 6 tháng	X				219,861		219,861	Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng công chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo Điểm đ, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP
4	**Hà Văn Vinh**	6/7/1966	Đại học Lâm Nghiệp	Công chức Hạt Kiểm lâm huyện Chư Prông	4.98	1/11/2015			28% 29% 30% 31% 32% 32%	1/5/2017 1/1/2018 1/1/2019 1/1/2020 1/1/2021 1/1/2022	5% 6% 7% 7%	1/11/2018 1/5/2020 1/5/2021 1/1/2022	4.98	01/5/2017-30/4/2022	9,629	37 năm 3 tháng		**01/5/2022**	55 tuổi 9 tháng	X				267,204		267,204	Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng công chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo Điểm đ, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP
5	**Phạm Ngọc Chương**	10/2/1963	Đại học Luật	Công chức Hạt Kiểm lâm huyện Đak Pơ	4.98	1/5/2016			35%	1/11/2021	7%	1/5/2021	4.98	1/5/2017 1/5/2018 1/5/2019 1/5/2020 1/5/2021		37 năm 3 tháng		**01/5/2022**	59 tuổi 2 tháng	X							Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 công chức được đánh giá, xếp loại chất lượng công chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo Điểm đ, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP
	Cấp huyện (04 người)																							**715,696**	**0**	**715,696**	
I	**Huyện Chư Sê (02 người)**																							**371,510**	**0**	**371,510**	
1	**Trần Văn Dự**	15/8/1963	Đại học Thể dục, Thể thao	Chuyên viên Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội	4.98	01/01/2015					5% 6% 7% 8%	01/01/2018 01/01/2019 01/01/2020 01/01/2021	4.98	01/2017 - 01/2022	7,368	39 năm 01 tháng		**01/01/2022**	58 tuổi 4 tháng	X				158,403		158,403	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. (theo điểm đ, khoản 1, Điều 1, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi đời khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
2	**Đặng Lanh**	27/4/1966	Đại học Kế toán	Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch	4.98	01/01/2012					7% 8% 9% 10% 11%	01/01/2017 01/01/2018 01/01/2019 01/01/2020 01/07/2021	4.98	03/2017-03/2022	7,680	37 năm 04 tháng		**01/3/2022**	55 tuổi 10 tháng	X				213,107		213,107	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (theo Điểm đ, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP)
II	**Huyện Kbang (01 người)**																							**180,278**	**0**	**180,278**	
1	**Nguyễn Bá Hội**	25/10/1966	Trung cấp Kế toán	Công chức Phòng Nông nghiệp và PTNT	4.06	01/2010					10% 11% 12% 13%	01/2017 01/2018 01/2019 01/2020	4.06	06/2017-05/2022	6,496	37 năm 4 tháng		**01/6/2022**	55 tuổi 7 tháng	X				180,278		180,278	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý đồng ý theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 1 của Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.
III	**Thành phố Pleiku (01 người)**																							**163,909**	**-**	**163,909**	
1	**Phạm Thị Kim Loan**	14/12/1969	Cử nhân kinh tế	Chuyên viên	4.98	30/12/2017	0.3	1/5/2016			5%	12/2020	4.65 4.98	11/2016-12/2017 12/2017-01/2022	7,285	32 năm 10 tháng		**01/01/2022**	52 tuổi	X				163,909		163,909	Điểm g, khoản 1, điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP: Trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế (năm 2021) có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	Cấp xã (06 người)																							**482,547**	**0**	**482,547**	
I	**Huyện Kông Chro (02 người)**																							**213,276**	**0**	**213,276**	
	Khối xã, thị trấn																										
1	**Trần Đình Hoàng**	07/8/1966	Trung cấp Kế toán	Công chức Văn hóa Thông tin xã Kông Yang	3.66	01/11/2019							3.26 3.46 3.66	01/4/2017-01/10/2017 01/11/2017-01/10/2019 01/11/2019-01/03/2022	5,021	26 năm 3 tháng		**01/4/2022**	55 tuổi 07 tháng	X				111,715		111,715	Có 02 năm liên tiếp liền kề: 01 năm hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021), 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ năm 2020), cá nhân có đơn tự nguyện tinh giản và được cơ quản lý đồng ý tinh giản theo Điểm đ, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
2	**Đinh Văn Đơm**	10/9/1966		CT UBMT Tổ quốc xã Chư Krey	2.45	01/01/2021							2,65 2,45	01/2017 đến 12/2020 01/2021 đến 12/2021	3,661	16 năm 5 tháng		**01/01/2022**	55 tuổi 03 tháng			X		101,561		101,561	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 1, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP
II	**Huyện Phú Thiện (02 người)**																							**125,071**	**0**	**125,071**	
1	**Trần Xuân Tiết**	02/02/1964	Trung cấp Quản lý đất đai	Công chức ĐC-NN-XD-MT xã Ia Sol	3.26	01/01/2020							2.86 3,06	03/2017-12/2017 01/01/2018	4,412	27 năm 02 tháng		**01/03/2022**	58 tuổi 01 tháng	X				68,383		68,383	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (theo điểm đ, khoản 1, Điều 1, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP)
2	**Lộc Văn Lan**	10/8/1969	Không	Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã Ia Yeng	2,25	19/3/2017							1,75 2.25	01/2017-02/2017 3/2017-02/2022	3,149	09 năm 10 tháng		**01/02/2022**	52 tuổi 5 tháng			X		56,688		56,688	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (ông Lộc Văn Lan không có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 1 của Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.
III	**Huyện Đak Pơ (01 người)**																							**144,201**	**0**	**144,201**	
1	**Lý Nguyên Hùng**	27/7/1966	Trung cấp	Phó Bí thư Đảng UỶ xã Ya Hội	3.86	06/11/2020	0.25						3.46 3.66 3.86	04/2017-11/2018 11/2018-11/2020 11/2020-04/2022	5,546	33 năm 11 tháng		**01/04/2022**	55 tuổi 8 tháng	X				144,201		144,201	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo Điểm g, khoản 1, điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-C

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi đời khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
IV	**Huyện Krông Pa (01 người)**																										
1	**Ksor Liã**	12/7/1962	Chưa qua đào tạo	Chủ tịch UBMTTQVN xã Krông Năng	2.45	01/4/2009							2.45	4/2017-3/2022	3,474	26 năm 3 tháng		**01/4/2022**	59 tuổi 8 tháng	X							Chưa đạt trình độ đạo tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ (không có chuyên môn) quy định đối với vị trí việc làm đảm nhiệm, nhưng không có việc làm khác phù hợp để bố trí, được cơ quan quản lý đồng ý cho tinh giản theo Điểm c, Khoản 1, Điều 1, Nghị định 143/2020/NĐ-CP
B	**KHỐI SỰ NGHIỆP (34 người)**																							**5,235,173**	**0**	**5,235,173**	
I	**Sở Giáo dục và Đào tạo (02 người)**																							**309,812**	**0**	**309,812**	
1	**Trần Thị Xuân**	09/11/1969	Trung cấp kinh tế kế hoạch	Văn thư	3.48	01/5/2018	0.25				5% 6%	01/5/2020 01/5/2021	3.3 3.48	01/2017-4/2018 5/2018-12/2021	5,269	25 năm 8 tháng		**01/01/2022**	52 tuổi 01 tháng	X				100,120		100,120	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, Nghị định 143/2020/NĐ-CP)
2	**Võ Thị Minh Tâm**	16/06/1971	Cử nhân ngữ văn	Giảng viên □	4.98	01/02/2019			25%				4.65 4.98	04/2017-01/2019 02/2019-3/2022	9,019	28 năm 6 tháng		**01/4/2022**	50 tuổi 9 tháng	X				209,692		209,692	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự (theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 6, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
II	**Sở Y tế (02 người)**																							**316,481**	**0**	**316,481**	
	Trung tâm Y tế thành phố Pleiku																										
01	**Phạm Đình Dũng**	05/10/1966	Y tá sơ học	Y tá sơ học	3.63	1/4/2013					7% 8% 9% 10% 11%	1/4/2017 1/4/2018 1/4/2019 1/4/2020 1/4/2021	3.63	5/2017-4/2022	5,636	34 năm 8 tháng		**01/5/2022**	55 tuổi 7 tháng	X				154,998		154,998	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (Điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP)
02	**Nguyễn Ngọc Hòa**	01/9/1966	Y tá sơ học	Y tá sơ học	3.63	1/4/2011					8% 9% 10% 11% 12%	1/4/2017 1/4/2018 1/4/2019 1/4/2020 1/4/2021	3.63	4/2017-3/2022	5,666	37 năm		**01/4/2022**	55 tuổi 7 tháng	X				161,482		161,482	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (Điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP)
III	**Huyện Chư Sê (04 người)**																							**558,832**		**558,832**	
1	**Trần Thị Hảo**	14/12/1969	ĐHSP Tiểu học	Giáo viên Trường TH Lê Văn Tám, xã Bờ Ngoong	4.06	01/01/2019			19% 20% 21% 22% 23% 24%	03/2017 6/2017 6/2018 6/2019 6/2020 6/2021	5%	01/01/2021	3.86 4.06	3/2017-01/2019 01/2019-3/2022	6,963	25 năm 02 tháng		**01/3/2022**	52 tuổi 02 tháng	X				121,855		121,855	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau (theo Điểm g, Khoản 1, Điều 1, Nghị định 143/2020/NĐ-CP
2	**Phạm Thị Dàng**	26/10/1968	ĐHSP Tiểu học	Giáo viên Trường TH Bùi Thị Xuân, xã Kông Htok	4.32	01/01/2020			19% 20% 21% 22% 24%	1/3/2017 1/6/2017 1/6/2018 1/6/2019 1/6/2021			3.99 4.32	3/2017-01/2020 01/2020-3/2022	7,133	25 năm 6 tháng		**01/3/2022**	53 tuổi 4 tháng	X				105,213		105,213	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, Nghị định 143/2020/NĐ-CP)
3	**Lê Thị Thu**	03/12/1969	ĐHSP Giáo dục Tiểu học	Giáo viên Trường TH Tôn Đức Thắng, xã Ia Blang	4.98	01/01/2019			26% 27% 28% 29% 30% 31%	1/3/2017 1/9/2017 1/9/2018 1/9/2019 1/9/2020 1/9/2021			4.65 4.98	3/2017-01/2019 01/2019-3/2022	8,850	32 năm 5 tháng		**01/3/2022**	52 tuổi 2 tháng	X				188,053		188,053	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, Nghị định 143/2020/NĐ-CP)
4	**Rơ Mah Anhel**	10/12/1965	Trung học Sư phạm	Giáo viên Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo, xã Albă	4.06	01/01/2019			19% 20% 21% 22% 23% 24%	1/3/2017 1/6/2017 1/6/2018 1/6/2019 1/6/2020 1/6/2021	5%	1/7/2021	3.86 4.06	3/2017-01/2019 01/2019-3/2022	6,926	25 năm 6 tháng		**01/3/2022**	56 tuổi 02 tháng	X				143,712		143,712	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, Nghị định 143/2020/NĐ-CP)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi đời khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
IV	**Huyện Chư Pưh (01 người)**																								**135,731**		**135,731**	
1	**Nguyễn Thị Liễu**	12/11/1969	Trung cấp sư phạm giáo dục TH	Giáo viên Trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	4.06	01/09/2017			21% 22% 23% 24% 25% 26%	9/2016 9/2017 9/2018 9/2019 9/2020 9/2021	5% 6% 7%	9/2019 9/2020 9/2021	3.86 4.06	02/2017-8/2017 9/2017-01/2022	7,239	27 năm 4 tháng		**01/02/2022**	52 tuổi 02 tháng	X				135,731		135,731	Có 01 năm liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021), cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và cơ quan đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (Theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ).
V	**Huyện Kông Chro (03 người)**																								**488,603**		**488,603**	
1	**Nguyễn Thế Dục**	21/7/1965	Đại học Sư phạm	Giáo viên Tiểu học - Trường TH&THCS Kông Yang	4.98	01/5/2021			24% 25% 26% 27% 28% 29%	1/4/2017 1/4/2018 1/4/2019 1/4/2020 1/4/2021 1/4/2022			4.32 4.65 4.98	5/2017-10/2017 11/2017-4/2021 5/2021-4/2022	8,420	37 năm 10 tháng		**01/5/2022**	56 tuổi 09 tháng	X				210,496		210,496	Có 02 năm liên tiếp liền kề, 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) tại thời điểm tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng theo Điểm e, khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
2	**Đặng Thị Mỹ Kiều**	19/8/1968	TCKT	Kế Toán - Trường TH&THCS Lê Quí Đôn, xã Yang Trung	4.06	01/10/2012	0.2	01/11/2011			7% 8% 9% 10% 11%	1/10/2016 1/10/2017 1/10/2018 1/10/2019 1/10/2020	4.06	01/2017-12/2021	6,511	32 năm 08 tháng		**01/01/2022**	53 tuổi 04 tháng	X				120,445		120,445	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng theo Điểm e, khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
3	**Trần Hữu Đức**	20/01/1966	Trung cấp	Nhân viên - Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện	3.63	01/7/2009					10% 11% 12% 13% 14%	1/7/2016 1/7/2017 1/7/2018 1/7/2019 1/7/2020	3.63	01/2017-12/2021	5,733	37 năm 01 tháng		**01/01/2022**	55 tuổi 11 tháng	X				157,662		157,662	Có 02 năm liên tiếp liền kề, 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) tại thời điểm tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng theo Điểm e, khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
VI	**Huyện Kbang (04 người)**																								**681,177**		**681,177**	
1	**Huỳnh Thị Kim Lang**	16/7/1968	Đại học Sư phạm	Giáo viên Trường TH & THCS Đăk Hlơ	4.06	08/2016			28% 29% 30% 31% 32%	08/1016 08/1017 08/1018 08/1019 08/1020	6% 7% 8% 9% 10%	08/2016 08/2017 08/2018 08/2019 08/2020	4.06	01/2017-12/2021	8,067	33 năm 5 tháng		**01/01/2022**	53 tuổi 5 tháng	X				151,263		151,263	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
2	**Phạm Thị Thảo**	24/5/1968	Đại học Sư phạm	Giáo viên Trường TH Kim Đồng	4.98	02/2019			23% 24% 25% 26% 27% 28%	12/2016 12/2017 12/2018 12/2019 12/2020 12/2021			4.65 4.98	01/2017-01/2019 02/2019-12/2021	8,530	32 năm 5 tháng		**01/01/2022**	53 tuổi 7 tháng	X				155,678		155,678	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
3	**Lê Thị Hoa**	4/3/1969	Đại học Sư phạm	Giáo viên Trường TH Kim Đồng	4.98	01/2019			25% 26% 27% 28% 29% 30%	9/2016 9/2017 9/2018 9/2019 9/2020 9/2021			4.65 4.98	01/2017-12/2018 01/2019-12/2021	8,694	31 năm		**01/01/2022**	52 tuổi 9 tháng	X				160,833		160,833	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
4	**Nguyễn Thị Tuyết**	26/10/1970	Đại học Sư phạm	Giáo viên Trường TH Kim Đồng	4.98	10/2019	0.2 0.2 0.2		26% 27% 28% 29% 30% 31%	08/2016 8/2017 8/2018 8/2019 8/2020 8/2021			4.65 4.98	01/2017-9/2019 10/2019-12/2021	8,800	32 năm 4 tháng		**01/01/2022**	51 tuổi 02 tháng	X				213,403		213,403	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
VII	**Huyện Chư Prông (03 người)**																								**614,012**	**0**	**614,012**	
1	**Phạm Thị Huế**	25/8/1971	Trung cấp Sư phạm	Giáo viên Trương TH Phan Châu Trinh	4.06	01/01/2016 đến 01/01/2022			24% 25% 26% 27% 28% 29%	01/2017 01/2018 01/2019 01/2020 01/2021 01/2022	5% 6% 7% 8%	01/2018 01/2019 01/2020 01/2021	4.06	6/2017-5/2022	7,770	29 năm 9 tháng		**01/06/2022**	50 tuổi 9 tháng	X				186,482		186,482	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tính giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp (Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143?2020/NĐ-CP)
2	**Nguyễn Thị Hằng Nga**	20/6/1971	Đại học	Giáo viên Trường TH Lê Hồng Phong	4.98	01/12/2020 đến 01/06/2022			25% 26% 27% 28% 29% 30%	10/2016 10/2017 10/2018 10/2019 10/2020 10/2021			4.32 4.65 4.98	6/2017-11/2017 12/2017-11/2020 12/2020-5/2022	8,592	31 năm 09 tháng		**01/06/2022**	50 tuổi 11 tháng	X				214,792		214,792	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm 2020) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp (điểm e, khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi đời khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
3	**Trần Thị Tươi**	20/9/1971	Đại học	Giáo viên Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	4.98	20/07/ 2020 đến 01/06/ 2022			24% 25% 26% 27% 28% 29%	9/2016 9/2017 9/2018 9/2019 9/2020 9/2021			4.32 4.65 4.98	7/2017-7/2017 8/2017-7/2020 8/2020-6/2022	8,683	30 năm 10 tháng		**30/06/2022**	50 tuổi 9 tháng	X				212,738		212,738	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ (năm, 2020) và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021) nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp (điểm e, khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP)
VIII	**Huyện Mang Yang (01 người)**																							**172,326**	**0**	**172,326**	
1	**Kiều Thị Thanh**	18/8/1969	Đại học Sư phạm Tiểu học	Phó Hiệu trưởng	4.06		0.4 0.3 		24% 25% 26% 27% 28% 29%	6/2016 6/2017 6/2018 6/2019 6/2020 6/2021	6% 7% 8% 9% 10% 	01/2017 01/2018 01/2019 01/2020 01/2021 	4.06	5/2017-4/2022	8,616	31 năm 7 tháng		**01/5/2022**	52 tuổi 8 tháng	X				172,326		172,326	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
IX	**Thị xã An Khê (02 người)**																							**428,970**	**0**	**428,970**	
1	**Trần Ngọc Anh**	25/7/1965	Đại học Sư phạm	Giáo viên Trường THCS Lê Hồng Phong, thị xã An Khê	4.98	1/8/2020			20% 21% 22% 23% 24% 25%	8/2016 8/2017 8/2018 8/2019 8/2020 8/2021			4.32 4.65 4.98	02/2017-7/2017 8/2017-7/2020 8/2020-01/2022	8,165	25 năm 6 tháng		**01/02/2022**	56 tuổi 6 tháng	X				161,260		161,260	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
2	**Lê Văn Phong**	04/6/1965	Đại học Sư phạm	Giáo viên (nguyên Phó Hiệu Trưởng) Trường Tiểu học Ngô Mây, thị xã An Khê	4.98	01/02/2013	0.3 0.4 	1/8/2012 1/9/2017 	30% 31% 32% 33% 34% 35%	03/2016 03/2017 03/2018 03/2019 03/2020 03/2021	6% 7% 8% 9% 10% 	1/2/2017 1/2/2018 1/2/2019 1/2/2020 1/2/2021 	4.98	02/2017-01/2022	10,817	37 năm 5 tháng		**01/02/2022**	56 tuổi 8 tháng	X				267,710		267,710	Viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý (Theo điểm h, Khoản 3, Điều 1, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP)
X	**Huyện Phú Thiện (03 người)**																							**300,324**	**0**	**300,324**	
1	**Ngô Thị Ngân**	03/01/1969	Đại học sư phạm	Giáo viên Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương	4.65	01/01/2019			23% 24% 25% 26% 27% 28%	12/2016 12/2017 12/2018 12/2019 12/2020 12/2021			4.32 4.65	3/2017-12/2018 01/2019-3/2022	8,041	29 năm 03 tháng		**01/03/2022**	53 tuổi 01 tháng	X				142,732		142,732	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
2	**Nay H' Tiêm**	01/11/1966	Trung cấp	Giáo viên Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	4.06	01/01/2013			30% 31% 32% 33% 34% 35%	4/2016 4/2017 4/2018 4/2019 4/2020 4/2021	7% 8% 9% 10% 11% 12%	01/2017 01/2018 01/2019 01/2020 01/2021 01/2022	4.06	3/2017-3/2022	8339	37 năm 05 tháng		**01/03/2022**	55 tuổi 04 tháng	X							Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
3	**Nay H' Nham**	16/6/1968	Cao đẳng sư phạm	Giáo viên Trường THCS Lê Quý Đôn	4.89	01/01/2018			24% 25% 26% 27% 28% 29%	4/2016 4/2017 4/2018 4/2019 4/2020 4/2021	5%	01/2021	4.58 4.89	02/2017-12/2017 01/2018-02/2022	8755	31 năm 07 tháng		**01/02/2022**	53 tuổi 08 tháng	X				157,593		157,593	Không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề (năm 2021) tại thời điểm tinh giản biên chế và được cơ quan quản lý đồng ý theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
XI	**Huyện Krông Pa (03 người)**																							**691,453**		**691,453**	
1	**Tống Thị Vang**	30/06/1970	Đại học	Phó hiệu trưởng trường Mẫu giáo xã Ia Rsai	4.98	01/11/2019	0.35	01/02/2017	27% 28% 29% 30% 31% 32%	3/2017 3/2018 3/2019 3/2020 3/2021 3/2022			4.65 4.98	6/2017-10/2019 11/2019-05/2022	9,516	32 năm 10 tháng		**01/6/2022**	51 tuổi 11 tháng	X				215,114		215,114	Có 02 năm liên tiếp liền kề: 01 năm hoàn thành nhiệm vụ (năm 2021), 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ năm 2020), cá nhân có đơn tự nguyện tinh giản và được cơ quan lý đồng ý tinh giản theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
2	**Nguyễn Thị Vân**	30/6/1968	Trung cấp	Giáo viên trường Mầm Non Bán Trú	4.06	01/01/2013	0.2	01/9/2016	29% 30% 31% 32% 33% 34%	5/2016 5/2017 5/2018 5/2019 5/2020 5/2021	8% 9% 10% 11% 12%	01/01/2017 01/01/2018 01/01/2019 01/01/2020 01/01/2021	4.06	02/2017-01/2022	8,552	35 năm 6 tháng		**01/02/2022**	53 tuổi 7 tháng	X				168,893		168,893	Năm trước liên tiếp liền kề: năm học 2020-2021 không hoàn thành nhiệm vụ và cá nhân có đơn tự nguyện tinh giản và được cơ quản lý đồng ý tinh giản theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP
3	**Nay Nhưng**	01/10/1966	Trung cấp	Giáo viên trường TH&THCS Trần Hưng Đạo	4.06	01/01/2020			20% 21% 22% 23% 24%	01/05/2017 01/05/2018 01/05/2019 01/05/2020 01/05/2021			3.66 3.86	5/2017-12/2017 01/2018-12/2019	6,834	25 năm 8 tháng		**01/5/2022**	55 tuổi 7 tháng	X				157,188		157,188	Năm trước liên tiếp liền kề: năm học 2020-2021 không hoàn thành nhiệm vụ và cá nhân có đơn tự nguyện tinh giản và được cơ quản lý đồng ý tinh giản theo Điểm e, Khoản 1, Điều 1, NĐ 143/2020/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng để tính trợ cấp	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Thời điểm tinh giản biên chế (ngày, tháng, năm)	Tuổi đời khi giải quyết tinh giản biên chế	Được hưởng chính sách				Tổng kinh phí để thực hiện chế độ	Bao gồm		Lý do tinh giản
					Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Mức phụ cấp	Ngày, tháng, năm được hưởng	Hệ số	Ngày, tháng, năm được hưởng		Tổng số	Số năm làm việc nặng nhọc, độc hại hoặc có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 trở lên			Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học nghề		Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp	
4	**Phạm Hiệp**	11/3/1965	Đại học	Chuyên viên, Ban quản lý khai thác các công trình thủy lợi huyện	4.98	01/01/2017			5% 6%	01/2020 01/2021			4.98	01/2017-12/2021	7,155	30 năm 01 tháng		**01/01/2022**	56 tuổi 9 tháng	X				150,258		150,258	Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy (đơn vị thực hiện giải thể) và cá nhân có đơn tự nguyện tinh giản và được cơ quản lý đồng ý tinh giản
XII	**Thành phố Pleiku (05 người)**																							**537,453**		**537,453**	
	Trường MN Vành Khuyên																										
1	**Võ Thị Cảnh**	6/6/1968	Đại học sư phạm	Giáo viên	4.98	01/01/2019	0.35 0.35 0.35 0.35 0.15	1/1/2017 1/9/2020 1/9/2021	28% 29% 30% 31% 32% 33%	9/2016 9/2017 9/2018 9/2019 9/2020 9/2021			4.65 4.98	01/2017-12/2018 01/2018-01/2022	9,375	35 năm 4 tháng		**01/01/2022**	53 tuổi 6 tháng	X				185,158		185,158	Điểm e, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP: Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo.
	Trường THCS Nguyễn Du																										
2	**Nguyễn Công Hộ**	4/5/1965	Cao đẳng sư phạm	Phó hiệu trưởng	4.89	01/01/2018	0.45	1/1/2017	25% 26% 27% 28% 29% 30%	02/2016 02/2017 02/2018 02/2019 02/2020 02/2021	5%	01/2021	4.58 4.89	01/2017-12/2017 01/2018-01/2022	9,594	32 năm		**01/01/2022**	56 tuổi 7 tháng	X				211,062		211,062	Điểm e, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP: Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
	Trường MN Hoa Cúc																										
3	**Lê Thị Phương**	20/7/1970	Đại học Sư phạm	Giáo viên	4.32	01/11/2019	 0.20 0.15 	 1/9/2017 1/7/2019 	20% 21% 22% 23% 24% 25%	10/2016 10/2017 10/2018 10/2019 10/2020 4/2021			3.99 4.32	02/2017-10/2019 11/2016-6/2022	7,337	26 năm 04 tháng		**30/6/2022**	51 tuổi 11 tháng	X				141,233		141,233	Điểm e, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP: Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2021 viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.
	Trường tiểu học Anh Hùng Núp																										
4	**Hà Văn Hùng**	10/10/1962	Đại học sư phạm	Giáo viên	4.98	1/2/2016	0.2	01/9/2017	32% 33% 34% 35% 36%	10/2016 10/2017 10/2018 10/2019 10/2020	5% 6% 7%	02/2019 02/2020 02/2021	4.98	01/2017-01/2022	10,043	40 năm 4 tháng		**01/01/2022**	59 năm 2 tháng	X							Điểm g, khoản 1, điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP: Trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai																										
5	**Nguyễn Thị Thu Dung**	9/4/1968	Đại học sư phạm	Giáo viên	4.98	1/1/2020			26% 27% 28% 29% 30% 31%	5/2016 5/2017 5/2018 5/2019 5/2020 5/2021			4.65 4.98	01/2017-01/2020 01/2020-01/2022	8,662	33 năm 5 tháng		**01/01/2022**	53 tuổi 9 tháng	X							Điểm e, khoản 1, Điều 1 Nghị định 143/2020/NĐ-CP: Tại thời điểm xét tinh giản biên chế năm 2020 viên chức được đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý theo .